

CHÍNH PHỦ
Số: 79/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Phê chuẩn Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

ĐIỀU LỆ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/CP ngày 22 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là tổng công ty nhà nước, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, bao gồm các thành viên là doanh nghiệp hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp, có quan hệ gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị, hoạt động trong ngành hàng hải, để tăng cường tích tụ, tập trung, phân công chuyên môn hoá và hợp tác sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và của toàn Tổng công ty; thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển ngành hàng hải theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước.

Điều 2. Tổng công ty có nhiệm vụ kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng, đại lý, môi giới, cung ứng lao động và dịch vụ hàng hải; xuất, nhập khẩu phương tiện, vật tư, thiết bị chuyên ngành; hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước về hàng hải; tiến hành các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao.

Điều 3. Tổng công ty có:

1. Tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.
2. Tên gọi bằng tiếng Việt là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, tên giao dịch quốc tế là VIET NAM NATIONAL SHIPPING LINES, viết tắt là VINALINES.
3. Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại thành phố Hà Nội.
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý điều hành.
5. Vốn và tài sản, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn do Tổng công ty quản lý.
6. Con dấu, tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng trong nước, ngoài nước.
7. Bảng cân đối tài sản, các quỹ tập trung theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 4. Tổng công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị và được điều hành bởi Tổng giám đốc.

Điều 5. Tổng công ty chịu sự quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tư cách là các cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời chịu sự quản lý của cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

MỤC I

QUYỀN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 7.

1. Tổng công ty có quyền quản lý, sử dụng và phát triển vốn, tài sản, vùng đất, vùng nước và các nguồn lực khác của Nhà nước giao theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

2. Tổng công ty có quyền giao lại cho các đơn vị thành viên quản lý, sử dụng vốn, tài sản, vùng đất, vùng nước và các nguồn lực mà Tổng công ty đã nhận của Nhà nước; điều chỉnh những nguồn lực đã giao đó cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch kinh doanh và phát triển chung của toàn Tổng công ty.

3. Tổng công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty có quyền thay thế, chuyển nhượng, mua, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty, trừ những thiết bị, nhà xưởng, cơ sở quan trọng theo quy định của Chính phủ phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; đối với đất đai,

vùng nước và các tài nguyên khác thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty thì thực hiện theo pháp luật tương ứng.

Điều 8. Nhà nước ưu tiên Tổng công ty khai thác theo năng lực vận tải của mình:

1. "Quyền vận chuyển" của phía Việt Nam quy định trong Hiệp định hoặc thoả thuận mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký với các nước.
2. "Quyền vận chuyển" hàng hoá xuất, nhập khẩu giữa Việt Nam với nước chưa ký Hiệp định hàng hải hoặc đã ký Hiệp định Hàng hải nhưng không phân chia "Quyền vận chuyển".
3. "Quyền vận chuyển" hàng xuất khẩu có khối lượng lớn như dầu thô, than, xi măng, hàng đóng contains.

Điều 9. Tổng công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao.
2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị;
3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Kinh doanh những ngành nghề phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường; kinh doanh những ngành nghề khác nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung.
5. Lựa chọn thị trường và thống nhất phân công thị trường giữa các đơn vị thành viên; được xuất khẩu, nhập khẩu, thuê phương tiện và thiết bị vận tải biển, bốc xếp theo quy định của Nhà nước.
6. Quyết định khung giá hoặc giá mua, giá bán sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, thống nhất giá xuất khẩu tối thiểu, giá nhập khẩu tối đa, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.
7. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm trong khuôn khổ các định mức, đơn giá của Nhà nước phù hợp với thị trường hàng hải quốc tế.

8. Phân cấp việc tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, xuất khẩu và đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và có quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật; quyết định mức lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm, chi phí dịch vụ và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

9. Được mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài của tổng công ty ở Việt Nam; quyết định cử đại diện, cán bộ, nhân viên Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát; đối với Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Các thành viên khác của Hội đồng quản trị ra nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Phó tổng giám đốc, giám đốc các đơn vị thành viên và các chức danh khác trong Tổng công ty ra nước ngoài do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 10. Tổng công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty để phục vụ kịp thời các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn, có hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái mục đích sử dụng thì phải theo nguyên tắc có hoàn trả.
2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty tại ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước xem xét để bảo lãnh các khoản vay của ngân hàng và tổ chức tài chính trong nước, ngoài nước.
3. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung, quỹ khấu hao cơ bản. Tỷ lệ trích, chế độ quản lý và sử dụng các quỹ này quy định trong Quy chế tài chính của Tổng công ty.
4. Được sử dụng lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và lập các quỹ theo quy định hiện hành để chia cho các cổ đông theo các cổ phần (nếu có) và cho người lao động theo cống hiến của mỗi người vào kết quả kinh doanh trong năm.